TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2024/HC-PT
Ngày 08 – 03 – 2024
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu
Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương
Ông Hà Huy Cầu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa****:* Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại phòng xét xử số 5 trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 842/2023/TLPT-HC ngày 10 tháng 11 năm 2023, về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2023/HC-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 283/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện****:* Bà Đặng Hoàng N, sinh năm 1964; Địa chỉ: Số C, đường T, khóm B, phường D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Hoàng N: Ông Nguyễn Hoàn V, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ C, khóm C, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (theo Văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 7 năm 2022), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đặng Hoàng N: Luật sư Nguyễn Hoàng G - Văn phòng L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; Địa chỉ: Số D, đường N, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, (có mặt).

- ***Người bị kiện:***

1. Ủy ban nhân dân (gọi tắt là "UBND") thành phố S;

2. Chủ tịch UBND thành phố S;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thanh S, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố S (theo Văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 7 năm 2023), (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND thành phố S: Ông Lê Nguyễn Minh T - Phó Giám đốc Ban Q đất thành phố S, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số C, đường N, khóm E, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. UBND tỉnh Đ;

4. Chủ tịch UBND tỉnh Đ;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thiện N1, chức vụ: Chủ tịch.

Cùng địa chỉ: Số 12, đường 30/4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND và Chủ tịch UBND tỉnh Đ: Ông Huỳnh Công H1 - Phó Trưởng phòng Quản lý đất đai thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ, (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, Quốc lộ C, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Bà Đặng Hoàng N là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của bà N và đại diện theo ủy quyền của bà N trình bày:*

Bà N có quyền sử dụng đất 3.709,3m^2 (đo đạc khi thu hồi: 3.589m^2), thửa số 47, tờ bản đồ số 46, tọa lạc tại phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp. Khu đất trên được thu hồi toàn bộ để lập dự án Khu tái định cư cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố S (khu S).

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 UBND thành phố Sa Đéc ra Quyết định số 290/QĐ-UBND-HC thu hồi 3.589m^2 của bà N.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, UBND thành phố S ra Quyết định số 8l/QĐ-HĐBTHT&TĐC bồi thường cho bà N với số tiền là 2.383.858.000 đồng.

Không đồng ý với mức bồi thường này, bà N làm đơn khiếu nại.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, Chủ tịch UBND thành phố S ra Quyết định số 135/QĐ-UBND-NĐ giải quyết khiếu nại, bác toàn bộ yêu cầu của bà N. Do vậy, bà N tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Đ.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh Đ ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 139/QĐ-UBND-NĐ công nhận và giữ nguyên Quyết định số 135/QĐ-UBND-NĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch UBND thành phố S. Bà N không thống nhất với các quyết định bồi thường và giải quyết khiếu nại nêu trên, nên bà N khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu hủy bỏ các quyết định vừa nêu. Bởi các lẽ sau:

1. Quyết định số 223/QĐ-UBND-NĐ ngày 21 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh Đ phê duyệt đơn giá làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Khu tái định cư cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố S (Khu S) có những sai sót:

Đất trong dự án có đủ các vị trí 1, 2, 3 nhưng chỉ tính cùng một giá 390.000 đồng/m^2 là không đúng các quy định pháp luật về đất đai và Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 về việc Ban hành quy định Bảng giá đất các loại trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (từ 2020-2024) của UBND tỉnh Đ tại mục f khoản 1 Điều 1 và khoản 2 Điều 6.

Giá đất trong phạm vi 50m tiếp giáp đường nội bộ Khu liên hợp thể dục thể thao là 1.528.800 đồng/m^2 gấp 3,92 lần so với các vị trí còn lại là không đúng quy định. Tại mục b khoản 3 Điều 6 của Quyết định số 36/2019/QĐ- UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 thì giá vị trí này chỉ được cao gấp 02 lần.

2. Quyết định số 290/QĐ-UBND-HC ngày 22 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố S ban hành có những sai sót:

- Không mời bà N họp phổ biến thu hồi đất; Không mời bà N trực tiếp khảo sát, kiểm đếm dẫn đến việc tính thiếu tài sản gắn liền với đất;

- Không mời bà N họp về việc lấy ý kiến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Việc làm này vi phạm khoản 1, khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

3. Quyết định số 81/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố S có những sai sót:

- Áp dụng không đúng vị trí lô đất của bà N, từ đó dẫn đến việc áp giá bồi thường về đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp không đúng. Cụ thể:

+ Theo điểm d khoản 1, Điều 112 Luật Đất đai năm 2013 thì các thửa đất liền kề, cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi như nhau thì giá như nhau.

+ Theo khoản 7 Điều 3 và khoản 1 Điều 5 Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Đ về phương pháp xác định vị trí khu đất khi tiếp giáp nhiều đường. Khu đất của bà N tiếp giáp kênh thủy lợi, đường số A nên phải được tính từ đường số 16 chứ không phải tính từ đường nội bộ Khu liên hợp thể dục thể thao.

- Do áp sai vị trí nên việc bồi thường đã áp sai đơn giá, gây thiệt hại cho bà N.

- Không tính khoản bồi thường chi phí đầu tư vào đất chưa thu hồi hết:

Theo khoản a Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014; Điều 8, Điều 9 Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Đ thì trường hợp của bà N phải được bồi thường về chi phí đầu tư vào đất. Tuy nhiên, phương án bồi thường không tính khoản chi phí mà bà N đã đầu tư vào vùng nuôi cá, gây thiệt hại cho bà N.

Không hỗ trợ ổn định sản xuất, do ngừng sản xuất nên bà N mất thu nhập. Theo mục b khoản 4 Điều 19 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và mục b khoản 4 Điều 16 Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Đ thì bà N được hỗ trợ 30% của 01 năm thu nhập. Tuy nhiên, khoản này không được tính nên gây thiệt hại cho bà N.

Từ những sai sót và thiếu sót nêu trên đã gây thiệt hại cho bà N khi UBND thành phố S thu hồi đất vào mục tiêu phát triển kinh tế tại địa phương. Do vậy, bà N yêu cầu Tòa án hủy các quyết định như sau: Hủy Quyết định số 223/QĐ-UBND-NĐ ngày 21 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh Đ; Quyết định số 290/QĐ-UBND-HC ngày 22 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố S; Quyết định số 81/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố S; Quyết định số 135/QĐ-UBND-NĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch UBND thành phố S; Quyết định số 139/QĐ-UBND-NĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, bà N có đơn khởi kiện bổ sung gửi đến Tòa án yêu cầu: Hủy thêm Quyết định số 16/QĐ-CC ngày 19 tháng 7 năm 2022 của UBND thành phố S về việc cưỡng chế thu hồi đất.

** Theo văn bản ý kiến số 11/UBND-TCD ngày 14 tháng 02 năm 2023 của UBND thành phố S, Chủ tịch UBND thành phố S trình bày:*

Thực hiện công trình Khu tái định cư cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố S (khu S), ngày 25 tháng 12 năm 2019 UBND thành phố S đã ban hành Quyết định số 240/QĐ-UBND-XDCB về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết dự án.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, UBND thành phố S đã ban hành Quyết định số 206/QĐ-UBND-XDCB về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 223/QĐ-UBND-NĐ về việc phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu tái định cư cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố S (khu S), phường A, thành phố S.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, UBND thành phố S ban hành Quyết định số 290/QĐ-U về việc thu hồi 3.598m^2 đất nông nghiệp của bà Đặng Hoàng N.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, UBND thành phố S ban hành Quyết định 311/QĐ-UBND-HC về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố S ban hành Quyết định số 81/QĐ-HĐBTHT&TĐC về việc bồi thường thiệt hại về đất, cây trồng và chính sách hỗ trợ cho bà Đặng Hoàng N với tổng số tiền là 2.383.958.000 đồng.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, UBND thành phố S ban hành Quyết định số 135/QĐ.UBND-NĐ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Đặng Hoàng N.

Từ những cơ sở trên cho thấy việc thu hồi, bồi thường đất và giải quyết khiếu nại của bà Đặng Hoàng N đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. UBND thành phố S không thống nhất việc thu hồi các quyết định của UBND thành phố S đã ban hành đối với trường hợp của bà Đặng Hoàng N.

** Ngày 31 tháng 3 năm 2023, Chủ tịch UBND thành phố S có văn bản ý kiến số 35/UBND-NC trình bày:*

Thực hiện dự án Khu tái định cư cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố S (khu S), UBND thành phố S đã thực hiện các trình tự, thủ tục về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Đặng Hoàng N theo quy định.

Sau khi vận động, thuyết phục, bà Đặng Hoàng N không chấp hành bàn giao đất cho Nhà nước thực hiện dự án.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, Chủ tịch UBND thành phố S đã ban hành Quyết định số 16/QĐ-CC về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Từ những cơ sở trên, việc ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Đặng Hoàng N đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Chủ tịch UBND thành phố S không thống nhất việc thu hồi Quyết định số 16/QĐ-CC, ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch UBND thành phố S.

** Theo văn bản ý kiến số 485/UBND-TCD-NC ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đ trình bày:*

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, UBND thành phố S ban hành Quyết định số 290/QĐ-UBND-NĐ thu hồi 3.598m^2 đất trồng lúa của bà Đặng Hoàng N để thực hiện dự án Khu tái định cư cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố S (khu S), phường A, thành phố S. Đồng thời, xác lập thủ tục bồi thường, hỗ trợ cho bà Đặng Hoàng N với tổng số tiền là 2.383.958.000 đồng theo Quyết định số 81/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố Sa Đéc. Bà Đặng Hoàng N chưa thống nhất với phương án bồi thường, hỗ trợ và có đơn khiếu nại yêu cầu nâng giá bồi thường đất lên 1.528.800 đồng/m^2, nâng mức hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp lên 550.000 đồng/m^2, hỗ trợ chi phí đầu tư (cơ sở hạ tầng nuôi cá) 630.000.000 đồng, hỗ trợ

mất thu nhập 150.000.000 đồng; yêu cầu hoán đổi đất khác hoặc bố trí 02 nền tái định cư, được Chủ tịch UBND thành phố S giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 135/QĐ-UBND-NĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021, nội dung: bác các khiếu nại yêu cầu của bà Đặng Hoàng N. Bà N tiếp tục gửi đơn khiếu nại Quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố S đến UBND tỉnh.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, Chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 139/QĐ-UBND-NĐ, nội dung: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 135/QĐ-UBND-NĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch UBND thành phố S về việc giải quyết khiếu nại của bà Đặng Hoàng N. Yêu cầu người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định số 135/QĐ-UBND-NĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch UBND thành phố S.

Nay, bà Đặng Hoàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 139/QĐ-UBND-NĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh là không có cơ sở; căn cứ khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 quy định nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất; căn cứ khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 quy định bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm 2020 - 2024; Quyết định số 223/QĐ-UBND-NĐ ngày 21 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Khu tái định cư cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố S (khu S), phường A, thành phố S. Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Tòa án giữ nguyên Quyết định số 139/QĐ-UBND-NĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2023/HC-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 76, Điều 83 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Đ; Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Đ; khoản 1 Điều 18, Điều 21, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 của Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 11, Điều 18, Điều 21 Thông tư số 07/2013/TT-

TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ T1 quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ T1 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Hoàng N về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 223/QĐ-UBND-NĐ ngày 21 tháng 9 năm 2020 về việc phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu tái định cư cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố S (khu S), phường A, thành phố S của UBND tỉnh Đ; Quyết định số 290/QĐ-UBND-HC ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc thu hồi đất của bà Đặng Hoàng N của UBND thành phố S; Quyết định số 81/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc bồi thường thiệt hại về đất, cây trồng và chính sách hỗ trợ cho bà Đặng Hoàng N của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố S; Quyết định số 135/QĐ-UBND-NĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 về việc giải quyết khiếu nại của bà Đặng Hoàng N (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố S; Quyết định số 139/QĐ-UBND-NĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Đặng Hoàng N (lần hai) của Chủ tịch UBND tỉnh Đ; Quyết định số 16/QĐ-CC ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND thành phố S.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19 tháng 9 năm 2023, người khởi kiện là bà Đặng Hoàng N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Lý do kháng cáo:

Thứ nhất, việc đền bù (áp đơn giá đền bù) là chưa phù hợp với quy định; Đất trong dự án có đủ các vị trí 1, 2, 3 nhưng chỉ tính cùng một giá 390.000 đồng/m^2 là không đúng các quy định pháp luật về đất đai và không đúng mục f, khoản 1 Điều 1 và khoản 2 Điều 6 Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Đ ban hành kèm Bảng giá đất các loại trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp 05 năm (từ 2020-2024).

Giá đất trong phạm vi 50m tiếp giáp đường nội bộ Khu liên hợp thể dục thể thao là 1.528.800 đồng/m^2 gấp 3,92 lần so với các vị trí còn lại là không đúng quy định. Tại mục b khoản 3 Điều 6 Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Đ thì giá vị trí này chỉ được cao gấp 02 lần.

Thứ hai, Quyết định số 290/QĐ-UBND-HC ngày 22 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố S: Không mời bà N họp phổ biến thu hồi đất, không mời

bà N trực tiếp khảo sát, kiểm đếm dẫn đến việc tính thiếu tài sản gắn liền với đất, không mời bà N họp về việc lấy ý kiến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Việc làm này là vi phạm khoản 1, 2 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013.

Thứ ba, Quyết định số 81/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố S áp dụng không đúng vị trí lô đất của bà N, từ đó dẫn đến việc áp giá bồi thường về đất và hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp không đúng. Cụ thể:

+ Theo Điều 112 Luật Đất đai năm 2013 thì các thửa đất liền kề, cùng mục đích sử dụng, khả năng sinh lợi như nhau thì giá như nhau.

+ Theo khoản 7 Điều 3 và khoản 1 Điều 5 Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Đ về phương pháp xác định vị trí khu đất khi tiếp giáp nhiều đường. Khu đất của bà N tiếp giáp kênh thủy lợi, đường số A nên phải được tính từ đường số 16 chứ không phải tính từ đường nội bộ Khu liên hợp thể dục thể thao.

Do áp sai vị trí nên việc bồi thường đã áp sai đơn giá, gây thiệt hại cho bà N.

- Không tính khoản bồi thường chi phí đầu tư vào đất chưa thu hồi hết: Theo khoản a Điều 77 Luật Đất đai năm 2013; Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014; Điều 8, Điều 9 Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Đ thì trường hợp của bà N phải được bồi thường về chi phí đầu tư vào đất. Tuy nhiên, phương án bồi thường không tính khoản chi phí mà bà N đã đầu tư vào vùng nuôi cá, gây thiệt hại cho bà N.

- Không hỗ trợ ổn định sản xuất: Do ngừng sản xuất nên bà N mất thu nhập. Theo mục b khoản 4 Điều 19 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và mục b khoản 4 Điều 16 Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Đ thì bà N được hỗ trợ 30% của 01 năm thu nhập. Tuy nhiên, khoản này không được tính nên gây thiệt hại cho bà N.

Do đó, bà N kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người kháng cáo bà Đặng Hoàng N, do ông Nguyễn Hoàng V1 làm đại diện, cùng Luật sư Nguyễn Hoàng G trình bày: Giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu theo nội dung án sơ thẩm và đơn kháng cáo đã nêu, không cung cấp chứng cứ mới, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà N.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*:**

Về tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính, không có vi phạm.

Về nội dung: Tòa sơ thẩm khi quyết định đã xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của bà N, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về tố tụng:*

[1] Đơn kháng cáo của Bà Đặng Hoàng N còn trong hạn luật định và hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Người bị kiện cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định là đúng quy định tại các Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- *Về nội dung:*

[3] Xét tính hợp pháp của các Quyết định số 223/QĐ-UBND, 290/QĐ-UBND-HC, 81/QĐ-HĐBTHT&TĐC:

[3.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

Ngày 25 tháng 12 năm 2019, UBND thành phố S ban hành Quyết định số 240/QĐ-UBND-XDCB về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu tái định cư cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố S (khu S).

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, UBND thành phố S ban hành Quyết định số 206/QĐ-UBND-XDCB về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, UBND thành phố Sa Đéc ban hành Thông báo số 148/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu tái định cư cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố S (khu S) và bà N đã nhận được thông báo này.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, Tổ kiểm đếm, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất đã lập biên bản kiểm đếm cây trồng, đo đạc xác định diện tích đất bị ảnh hưởng bởi dự án. Các biên bản đo đạc, kiểm đếm đều có thể hiện có bà N ký tên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 223/QĐ-UBND-NĐ về việc phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu tái định cư cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố S (khu S), phường A, thành phố S.

Ngày 14 tháng 10 năm 2020, Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất

thành phố S ban hành Thông báo số 763/BQLDA&PTQĐ về việc niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, tiến hành lập biên bản niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại UBND phường A, thành phố S.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020, triển khai thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Khu tái định cư cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố S (khu S). Có danh sách kèm theo có bà N ký tên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố S tiến hành lập biên bản họp thông qua phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, UBND thành phố S ban hành Quyết định số 311/QĐ-UBND-HC về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Cùng ngày, UBND thành phố S đã ban hành Quyết định số 290/QĐ-UBND-HC về việc thu hồi 3.598m^2 đất nông nghiệp của bà N.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố S ban hành Quyết định số 81/QĐ-HĐBTHT&TĐC về việc bồi thường thiệt hại về đất, cây trồng và chính sách hỗ trợ cho bà Đặng Hoàng N với tổng số tiền là 2.383.958.000 đồng.

Bà N cho rằng UBND thành phố S không mời bà họp phổ biến việc thu hồi đất; Không mời bà N trực tiếp khảo sát, kiểm đếm dẫn đến việc tính thiếu tài sản gắn liền với đất; Không mời bà N họp về việc lấy ý kiến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư là không có căn cứ. Vì theo hồ sơ thể hiện bà N có ký tên các lần mời họp và có ý kiến khi Nhà nước triển khai việc thu hồi đất, khi đo đạc, kiểm đếm bà N đều có ký tên ghi rõ họ tên.

Do đó, UBND thành phố Sa Đéc ban hành các quyết định thu hồi, bồi thường đất đối với bà Đặng Hoàng N là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 76, Điều 83 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Đ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ T1 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

[3.2] Về nội dung của các quyết định:

Thực hiện dự án Khu tái định cư cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố S (khu S), phường A, thành phố S; UBND thành phố S đã thu hồi của bà Đặng Hoàng N diện tích 3.598m^2, thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 46, tọa lạc tại khóm T, phường A, thành phố S.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06439, ngày 11 tháng 4 năm 2016 do UBND thành phố Sa Đéc cấp cho bà Đặng Hoàng N diện tích 3.709,3m^2 thuộc thửa 47, tờ bản đồ số 46, tọa lạc tại khóm T, phường A, thành phố S với mục đích sử dụng là đất chuyên trồng lúa nước. Tại thời điểm thu hồi đất của bà N thì chưa có đường số 16, bà N cho rằng đất bà tiếp giáp đường A là không có căn cứ. Và cũng không có quy định nào quy định được bồi thường giá đất nếu quy hoạch có đường hình thành trong tương lai. Mà việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật khi thu hồi đất, căn cứ trên cơ sở mức giá được phê duyệt, vị trí đất, mục đích sử dụng đất, mức hỗ trợ cụ thể.

Theo quy định cũng chỉ được bồi thường giá của loại đất được cấp giấy chứng nhận và bà N không có chứng cứ gì chứng minh đã đầu tư trên đất trong khi theo Giấy chứng nhận được cấp là đất trồng lúa nước; đồng thời bà N cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập từ việc nuôi cá có lợi nhuận mỗi năm là 500.000.000 đồng mà tại thời điểm thu hồi thì bà N chỉ cho thuê nuôi cá.

Tại Quyết định số 223/QĐ-UBND-NĐ phê duyệt giá đất nông nghiệp tại khu vực 1, vị trí 1 trong phạm vi 50m của thửa đất tiếp giáp đường nội bộ Khu liên hợp thể dục thể thao là 1.528.800 đồng/m^2; đất nông nghiệp khu vực 1, vị trí 1, thửa đất không tiếp giáp hoặc ngoài phạm vi 50m của thửa đất tiếp giáp đường nội bộ Khu liên hợp thể dục thể thao là 390.000 đồng/m^2. Theo đó đất của bà N được xác định là đất nông nghiệp khu vực 1, vị trí 1, thửa đất nằm ngoài phạm vi 50m của thửa đất tiếp giáp đường nội bộ Khu liên hợp thể dục thể thao, thời điểm thu hồi chưa có đường 16 nên UBND thành phố S bồi thường đất cho bà N theo đơn giá phê duyệt tại Quyết định số 223/QĐ- UBND-NĐ là 390.000 đồng/m^2 là đúng theo quy định của pháp luật đất đai. Giá đất trong phạm vi 50m tiếp giáp đường nội bộ Khu liên hợp thể dục thể thao là 1.528.800 đồng/m^2 gấp 3,92 lần so với các vị trí còn lại là do xác định theo từng dự án và từng khu vực có dự án được phê duyệt. Việc bà N yêu cầu nâng giá bồi thường đất nông nghiệp cho bà từ 390.000 đồng/m^2 lên 1.528.800 đồng/m^2 là không có căn cứ.

Căn cứ theo quy định tại Điều 76 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1, 2 Điều 3 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định các trường hợp không được bồi thường về đất mới được bồi thường chi phí đầu tư vào đất. Theo đó, bà N đã được bồi thường về đất nên việc yêu cầu bồi thường về chi phí đầu tư vào đất là không phù hợp và không đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ 30% của 01 năm thu nhập sau thuế: Diện tích đất bà N bị thu hồi là đất nông nghiệp chuyên trồng lúa nước; đồng thời, bà N không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh bà N nộp thuế thu nhập 03 năm liền (2017, 2018, 2019) của cơ quan thuế. Nên, bà N chỉ được hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 17 của Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Đ là đúng quy định.

Do đó, việc bà N cho rằng phía người bị kiện xác định vị trí đất sai dẫn đến việc áp giá sai; phương án bồi thường không tính khoản chi phí mà bà N đã đầu tư vào vùng nuôi cá, gây thiệt hại cho bà N; không hỗ trợ ổn định sản xuất do ngừng sản xuất để yêu cầu hủy các quyết định thu hồi và bồi thường đất nêu trên của UBND thành phố S là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét tính hợp pháp đối với các Quyết định số 135/QĐ.UBND.NĐ, 139/QĐ-UBND-NĐ:

[4.1] Trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định:

Bà N không đồng ý việc thu hồi, bồi thường nên ngày 15 tháng 3 năm 2021 bà N khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố S.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, Chủ tịch UBND thành phố Sa Đéc ban hành Thông báo số 22/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu, Chủ tịch UBND thành phố S giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại cho Thanh tra thành phố S.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, Thanh tra thành phố S có Văn bản số 149/TTr về việc giải quyết khiếu nại của các hộ dân ở công trình Khu tái định cư cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố S (khu S). Đến ngày 16 tháng 6 năm 2021, Chủ tịch UBND thành phố S tổ chức đối thoại với bà N.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, Chủ tịch UBND thành phố S ban hành Quyết định số 135/QĐ.UBND-NĐ về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Đặng Hoàng N.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021, UBND phường A đã giao Quyết định số 135/QĐ.UBND-NĐ cho bà N. Sau khi nhận Quyết định số 135/QĐ.UBND-NĐ bà N không thống nhất tiếp tục khiếu nại, ngày 22 tháng 11 năm 2021 bà N gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, Văn phòng UBND tỉnh có văn bản số 1622/VPUBND-TCD-NC giao Sở T kiểm tra, rà soát, báo cáo UBND tỉnh về việc giải quyết khiếu nại của bà N.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, Giám đốc Sở T ban hành Quyết định số 1149/QĐ-STNMT về việc thành lập Tổ xác minh nội dung khiếu nại.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, Tổ xác minh lập biên bản làm việc với bà N.

Ngày 08 tháng 12 năm 2021, Sở T có Báo cáo số 363/BC-STNMT về kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà N.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, Chủ tịch UBND tỉnh Đ tổ chức đối thoại với bà N.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, Chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 139/QĐ-UBND-NĐ giải quyết khiếu nại (lần 2) đối với bà N. Quá trình giải quyết vụ án phía bà N xác định bà N đã nhận được quyết định giải quyết khiếu nại lần 2.

Xét thấy, Chủ tịch UBND thành phố Sa Đéc và Chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với bà N là quá thời hạn theo quy định của Luật Khiếu nại năm 2011. Nhưng các quyết định này được ban hành là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 36, Điều 37, Điều 38,
Điều 39, Điều 40, Điều 41 của Luật Khiếu nại năm 2011 và Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 11, Điều 18, Điều 21 của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[4.2] Về nội dung của các quyết định giải quyết khiếu nại:

Như đã nhận định và phân tích nêu trên, việc UBND thành phố S ban hành các quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của bà Đặng Hoàng N để thực hiện dự án công trình Khu tái định cư cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố S (khu số 02) là đúng quy định của pháp luật đất đai. Nên Quyết định 135/QĐ-UBND.NĐ của Chủ tịch UBND thành phố S và Quyết định số 139/QĐ.UBND.NĐ của Chủ tịch UBND tỉnh Đ có nội dung bác yêu cầu khiếu nại của bà N là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà N về yêu cầu hủy các Quyết định 135/QĐ-UBND.NĐ, 139/QĐ.UBND.NĐ nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 16/QĐ.CC:

Ngày 22 tháng 4 năm 2022, UBND phường A và các ngành chức năng thành phố S tiếp xúc, làm việc vận động bà N nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để thực hiện dự án. Tuy nhiên, bà N không đồng ý nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, Chủ tịch UBND thành phố S ban hành Quyết định số 16/QĐ-CC về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà N.

Sau khi có quyết định, UBND phường A và các ngành chức năng thành phố S mời bà N đến UBND phường A để trao quyết định cưỡng chế thu hồi đất và vận động bà N nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và giao mặt bằng cho đơn vị thi công nhưng bà N không đến nhận. Do bà N không đến nên đã tiến hành niêm yết quyết định theo quy định của pháp luật.

Sau đó, bà N đã nhận tiền bồi thường, nhận quyết định cưỡng chế, khi đơn vị thi công thực hiện việc thi công công trình bà N cũng không có ngăn cản, khiếu nại. Cho nên Chủ tịch UBND thành phố S không có tổ chức thực hiện Quyết định số 16/QĐ-CC ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà N.

Đồng thời, việc Chủ tịch UBND thành phố S ban hành Quyết định số 16/QĐ-CC là thực hiện đúng quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành

Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ T1 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng, thu hồi đất.

Do đó, việc bà N yêu cầu hủy Quyết định số 16/QĐ.CC là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Bác kháng cáo của bà Đặng Hoàng N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà N phải chịu án phí theo quy định tại Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; các Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 193, Điều 206, Điều 225, Điều 349 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; các Điều 62, Điều 63, Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 74, Điều 75, Điều 76, Điều 83 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2014 của UBND tỉnh Đ; Quyết định số 36/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Đ; Khoản 1 Điều 18, Điều 21, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 32, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 41 của Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 11, Điều 18, Điều 21 Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ T1 quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ T1 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo bà Đặng Hoàng N; Giữ nguyên Bản án hành chính sơ

thẩm số 16/2023/HC-ST ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Hoàng N về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 223/QĐ-UBND-NĐ ngày 21 tháng 9 năm 2020 về việc phê duyệt đơn giá đất cụ thể làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu tái định cư cho các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố S (khu S), phường A, thành phố S của UBND tỉnh Đ; Quyết định số 290/QĐ-UBND-HC ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc thu hồi đất của bà Đặng Hoàng N của UBND thành phố S; Quyết định số 81/QĐ-HĐBTHT&TĐC ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc bồi thường thiệt hại về đất, cây trồng và chính sách hỗ trợ cho bà Đặng Hoàng N của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố S; Quyết định số 135/QĐ-UBND-NĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 về việc giải quyết khiếu nại của bà Đặng Hoàng N (lần đầu) của Chủ tịch UBND thành phố S; Quyết định số 139/QĐ-UBND-NĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc giải quyết khiếu nại của bà Đặng Hoàng N (lần hai) của Chủ tịch UBND tỉnh Đ; Quyết định số 16/QĐ-CC ngày 19 tháng 7 năm 2022 về việc cưỡng chế thu hồi đất của Chủ tịch UBND thành phố S.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đặng Hoàng N phải nộp 300.000 đồng; được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014243 ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đồng Tháp (1);
- VKSND tỉnh Đồng Tháp (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp (1);
- Các đương sự (8);
- Lưu VT (5), 25b, HS (2), (TK-PH).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tửu